TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LONG THÀNHĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 115/2024/DS-ST.
Ngày: 13-8-2024
V/v: "*Tuyên hợp đồng mua bán xe*
Vô hiệu và kiện đòi lại tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

2. Ông Lê Hoàng Quy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 126/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc *"Tuyên hợp đồng mua bán xe vô hiệu và kiện đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Trương Văn D, sinh năm 1971.
- ***Bị đơn***: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972.
Cùng địa chỉ: Tổ D Ấp E, xã A, huyện L. tỉnh Đồng Nai
(Ông D, ông P có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Trương Văn D trình bày: Vào ngày 22/12/2022, ông có mua 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Super, biển số 67G1-710.29 của ông Nguyễn Văn P, với giá 20.000.000 đồng, ông P viết giấy bán xe giao cho ông giữ, ông đã giao cho ông P đủ tiền. Sau khi giao xe cho ông, ông P không có xe đi lại nên ông P hỏi mượn lại xe để về quê, ông cho mượn lại nhưng sau đó anh P mang xe đi

cầm không trả lại cho ông. Ông P tự ý mang xe đi cầm khi nào ông không biết, khi anh P dưới quê lên ông có sang nhà yêu cầu ông P trả xe nhưng ông P nói mang xe đi cầm rồi, khoảng 2-3 tháng sau ông mới biết anh P cầm xe ở tiệm cầm đồ Phan Nguyễn T ấp E, xã A, huyện L.

Ông P khai mang xe đi cầm theo yêu cầu của ông để trả cho ông 10.000.000 đồng là không đúng, ông không nhận được số tiền này từ ông P và ông không cho ông P vay tiền và đồng ý cho ông P thế chấp xe như ông P đã khai. Nay ông yêu cầu tuyên bố giấy bán xe ghi ngày 22/12/2022 đối với xe mô tô nhãn hiệu Supe – Draem mang biển số 67G1 -71029, số máy: HA 08E0519529, số khung: 08043V519451, giấy xe mang tên Ngô Lê Yến T1 vô hiệu và đề nghị ông P phải trả lại cho ông số tiền 20.000.000 đồng ông P đã nhận của ông.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông thừa nhận ông có ký và viết giấy bán xe do ông Trương Văn D nhưng thực tế vào ngày 22/12/2022, ông có mượn của ông D 20.000.000 đồng, ông D yêu cầu làm giấy bán xe để làm tin, lãi suất 2.000.000 đồng/tháng. Khi mượn tiền không làm giấy tờ gì nhưng ông D nói viết giấy bán xe để làm tin ông đồng ý, ông D viết giấy nội dung ông bán xe cho ông D giá 20.000.000 đồng. Ông D giữ giấy tờ xe của ông.

Cuối năm 2023, ông D yêu cầu ông trả tiền, ông nói nếu vợ chồng ông D đồng ý lấy lại 10.000.000 đồng thì đưa lại giấy tờ xe để ông đi cầm lấy 10.000.000 đồng mới có tiền trả, ông D đồng ý nên giao lại giấy tờ xe cho ông, ông đưa lại cho vợ ông là bà Hà Thị P1, sinh năm 1972 mang xe đi cầm xe tại tiệm cầm đồ Phan Nguyễn T ấp E, xã A lấy 10.000.000 đồng, tiệm cầm đồ này chuyển 10.000.000 đồng trực tiếp sang tài khoản vợ ông D.

Sau khi vay tiền của ông D, ông trả lãi đầy đủ đến cuối năm 2023 thì giữa ông và ông D có xảy ra mâu thuẫn nên ông không đóng tiền lãi cho ông D nữa. Do khi trả lãi có lúc đưa tiền cho ông D, có lúc trả cho vợ ông D nhưng không làm giấy tờ gì nên không có bằng chứng cung cấp cho Tòa được.

Ông đồng tuyên bố giấy bán xe ghi ngày 22/12/2022 vô hiệu, ông chỉ đồng ý trả cho ông D số tiền còn lại 10.000.000 đồng.

**** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:***

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa nên nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ tại khoản 2 Điều 11 Thông tư 24/2023/TT-BGTVT quy định chứng từ chuyển quyền sở hữu xe: *"...Văn bản về việc bán, tặng cho, thừa kế xe của cá nhân phải có xác nhận công chứng hoặc chứng thực..."*

Xét thấy, đối với chiếc xe nhãn hiệu Honda Supper – Dream, BKS: 67G1-71029, số máy HA08E0519529, số khung 08043Y519451 mà ông P bán cho ông D, tại giấy tờ thể hiện tên của một người khác là Ngô Lê Yến T1 chứ không phải xe đứng tên chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn P. Ngoài ra, tại Giấy bán xe ngày 22/12/2022, ông Trương Văn D và ông Nguyễn Văn P chỉ làm Giấy bán xe viết tay mà không công chứng chứng thực là vi phạm quy định của pháp luật.

Tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật dân sự 2015 quy định về hình thức giao dịch dân sự: Giấy bán xe ngày 22/12/2022 giữa ông D và ông P mua bán xe bằng chữ Giấy viết tay với nhau mà không công chứng chứng thực có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền là không tuân thủ quy định về hình thức của giao dịch dân sự. Do đó Hợp đồng mua bán xe nêu trên là vô hiệu.

Về giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu, căn cứ Điều 131 Bộ luật dân sự quy định. Ngoài ra, sau khi mượn lại chiếc xe mà ông P bán cho ông D theo Giấy bán xe ngày 22/12/2022, thì hiện nay ông P đã bán chiếc xe đó cho một người khác. Do đó, chiếc xe hiện nay không còn để thực hiện theo Hợp đồng mua bán xe.

Về phía bị đơn, tại biên bản đối chất ngày 20/7/2024, ông Nguyễn Văn P có trình bày hiện tại ông P chỉ đồng ý trả 10.000.000 đồng cho ông D vì vợ ông là bà Hà Thị P1 đã được vợ chồng ông D giao giấy tờ xe và nhờ đi cầm lấy 10.000.000 đồng, số tiền sau khi cầm đã chuyển trực tiếp vào tài khoản vợ ông D là bà Hà Thị Minh N. Tuy nhiên, ông P không có chứng cứ chứng minh về vấn đề nêu trên.

Mặt khác, giữa bà P1 và bà N có xác nhận với nhau về việc bà P1 có mượn bà N số tiền là 10.000.000 đồng, không liên quan đến việc mua bán xe của ông D và ông P. Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà bà P1 chuyển vào tài khoản cho bà N, bà N xác nhận số tiền đó là số tiền bà P1 trả cho bà N theo Hợp đồng vay tiền giữa bà P1 và bà N. Bà P1 cho rằng bà N đã rút số tiền 5.200.000 đồng trong thẻ ATM nhưng không có chứng cứ chứng minh và nếu có thì bà P1 có thể khởi kiện bà N đòi lại số tiền trên trong vụ án khác.

Như vậy, từ những căn cứ nêu trên, việc ông D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán xe giữa ông D và ông P ngày 22/12/2022 vô hiệu và yêu cầu ông Nguyễn Văn P phải hoàn trả lại chô ông D số tiền 20.000.000 đồng mà ông P đã nhận là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 11 Thông tư 24/2023/TT-BGTVT; Điều 117, Điều 119 và Điều 131 BLDS 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn D về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán xe giữa ông D và ông P ngày 22/12/2022 vô hiệu và yêu cầu ông

Nguyễn Văn P phải hoàn trả lại cho ông D số tiền 20.000.000 đồng mà ông P đã nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông D có đơn khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng mua bán xe giữa ông D và ông P vô hiệu và buộc ông P phải trả lại cho ông D số tiền 20.000.000 đồng tiền bán xe mà ông P đã nhận nên quan hệ pháp luật được xác định là: "*Tuyên bố hợp đồng mua bán xe vô hiệu và kiện đòi lại tài sản*" theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông P có địa chỉ tại xã A, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe mô tô nhãn hiệu Supe – Draem mang biển số 67G1 -71029, số máy: HA 08E0519529, số khung: 08043V519451, giấy xe mang tên Ngô Lê Yến T1 vô hiệu.

Xét thấy, giữa ông D và ông P thỏa thuận mua bán xe trên cho nhau nhưng giấy tờ đăng ký xe đứng tên Ngô Lê Yến T1, ông P khai xe này ông mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên ông. Việc chưa đứng tên chủ sở hữu xe mô tô trên ông P đã làm giấy bán xe cho ông D là vi phạm về hình thức của giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật dân sự 2015, mặt khác xe mô tô trên hiện nay ông P đã bán cho người khác. Vì vậy, ông D yêu cầu tuyên vô hiệu đối với giấy bán xe ghi ngày 22/12/2022, ông P đồng ý nên ghi nhận.

[2.2] Đối với việc nguyên đơn ông D yêu cầu trả số tiền 20.000.000, ông P chỉ đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng.

Xét thấy, tại Giấy bán xe ghi ngày 22/12/2022 thể hiện ông P bán xe mô tô nhãn hiệu Supe –Draem mang biển số 67G1 -71029, số máy: HA 08E0519529, số khung: 08043V519451 cho ông D, số tiền 20.000.000 đồng, ông P đã nhận đủ tiền. Ông P khai viết giấy bán xe chỉ để làm tin khi ông vay số tiền 20.000.000 đồng của ông D, sau khi vay tiền hàng tháng ông đều trả lãi 2.000.000 đồng cho ông D. Khi ông D cần tiền đã yêu cầu ông mang xe đi cầm để trả cho ông D 10.000.000 đồng, ông D không thừa nhận có việc vay mượn và trả lãi như ông P đã khai. Ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình về việc vay mượn tiền và trả lãi này.

Ông P khai bà P1 vợ ông là người mang xe đi cầm, sau đó chuyển trực tiếp vào tài khoản của bà N là vợ ông D số tiền 10.000.000 đồng. Tòa án đã làm việc với bà Hà Thị P1 (vợ ông P) và bà Hà Thị Minh N (vợ ông D). Bà P1 và bà N có xác nhận với nhau về việc bà P1 mượn bà N số tiền là 10.000.000 đồng. Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà bà P1 chuyển vào tài khoản cho bà N, bà N xác nhận số tiền 10.000.000 đồng bà P1 trả cho bà N là khoản tiền bà P1 vay của bà N không

liên quan đến việc mua bán xe giữa ông D và ông P. Bà P1 khai mang xe mô tô đi cầm được 10.000.000 đồng, sau đó chuyển vào tài khoản của bà N là do ông P nói với bà để trả cho ông D, bà N nhưng bà P1 cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về lời khai của mình.

Do đó, ông D yêu cầu ông P phải có trách nhiệm trả lại cho ông D số tiền mua xe 20.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn ông D được chấp nhận nên bị đơn ông P phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (trong đó 300.000 đồng tuyên hợp đồng mua bán xe vô hiệu và 300.000 đồng án phí đối với số tiền phải trả lại 20.000.000 đồng).

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 117, Điều 119, Điều 131, Điều 166 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn D về việc "*Tuyên bố hợp đồng mua bán xe vô hiệu và kiện đòi lại tài sản*" với bị đơn ông Nguyễn Văn P.

Ghi nhận thỏa thuận Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ghi ngày 20/12/2022 vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Văn P phải có trách nhiệm trả lại cho ông Trương Văn D số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trương Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0015604 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai;
-VKSND H. Long Thành;
- Đương sự;
-THA H. Long Thành.
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Liên